TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/DS-ST
Ngày: 05-6-2019
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Lâm và ông Phạm Thuận.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Hoàng Yên Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 05 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 264/2018/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 264/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 264/2019/QĐST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Hồng T - sinh năm: 1975; địa chỉ: Số 59 đường N, phường Đ, quận S, thành phố Đà Nẵng; đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền là bà Đào Thị L - sinh năm 1962; địa chỉ: Phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy ủy quyền ngày 04/3/2019, có mặt tại phiên tòa).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T1 - sinh năm: 1958; địa chỉ: Số 52/5 đường V, phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 19 tháng 12 năm 2018, bản tự khai ngày 16 tháng 01 năm 2019, nguyên đơn trình bày:

Vợ chồng chú ruột tôi và bà T1 quen biết nhau vì cùng làm đồ hàng mã, tôi đang học nghề tại nhà của cô chú nên quen biết bà T1. Vào năm 2013 (không nhớ rõ ngày tháng) tôi có cho bà T1 vay số tiền 60.000.000đ *(sáu mươi triệu đồng)* để bà T1 bổ sung vốn làm hàng mã. Khi cho vay không yêu cầu bà T1 viết giấy, không thỏa thuận thời hạn thanh toán, thỏa thuận mức lãi là 1.000.000đ/tháng. Sau

đó bà T1 trả được 22 tháng tiền lãi thì không chịu trả tiền nữa. Nên đến ngày 20/8/2015 (âm lịch), bà T1 viết cho tôi tờ giấy hẹn đến ngày 28/10/2015 (âm lịch) trả 30.000.000đ tiền, số tiền 30.000.000đ còn lại sẽ trả vào ngày 28/12/2015 (âm lịch). Kể từ khi viết giấy hẹn cho đến nay, bà T1 mới chỉ trả được 30.000.000đ, số tiền còn lại 30.000.000đ chưa thanh toán. Vì thế tôi khởi kiện yêu cầu bà T1 phải tiếp tục trả cho tôi số tiền gốc vay 30.000.000đ, tôi không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ 30.000.000đ *(ba mươi triệu đồng)*.

Bị đơn bà T1 đã được Tòa án cấp, tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 24/01/2019, 04/3/2019 và 27/3/2019 nhưng không gửi văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến Tòa án tham gia tố tụng. Tại phiên tòa hôm nay, là lần thứ 2 bị đơn vắng mặt nhưng không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn bà T1 vắng mặt lần thứ 2 nhưng không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Phía nguyên đơn trình bày do quen biết nhau nên nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 60.000.000đ *(sáu mươi triệu đồng)* vào năm 2013 với mức lãi suất 1.000.000đ/tháng, vay không có thời hạn, thỏa thuận bằng miệng, bị đơn trả được 22 tháng tiền lãi liên tiếp thì dừng lại không trả nữa vì không có tiền; đến ngày 20/8/2015 (âm lịch) bị đơn đã viết giấy hẹn trả nợ cho nguyên đơn thành 2 đợt vào ngày 28/10/2015 (âm lịch) và ngày 28/12/2015 (âm lịch), mỗi đợt trả 30.000.000đ; sau khi viết giấy hẹn, bị đơn đã trả được 30.000.000đ, còn lại 30.000.000đ chưa trả. Trong khi đó, bị đơn không gửi ý kiến trình bày, không đến Tòa án để giải quyết.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Tại Giấy viết tay do nguyên đơn cung cấp thể hiện người viết đơn vào ngày 20/8/2015 (âm lịch) là bà T1 có nội dung như sau:

"Tôi tên: Nguyễn Thị T1

Có mượn của cháu T là:

60 triệu đồng chẵn.

Tháng 10 âm lịch, vào ngày 28 tôi sẽ trả số tiền: 30 triệu đồng chẵn

và ngày 28 tháng 12 âm lịch/2015 sẽ hoàn trả số tiền còn lại là 30 triệu đồng chẵn.

Nếu sai tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm".

Như vậy, lời trình bày của phía nguyên đơn về quan hệ vay tiền giữa hai bên phù hợp với nội dung của Giấy viết tay.

[4] Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ để kết luận: Nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 60.000.000đ *(sáu mươi triệu đồng)* vào năm 2013 với mức lãi suất 1.000.000đ/tháng, thời hạn vay không xác định, bị đơn đã trả tiền lãi được một thời gian theo thỏa thuận thì không thanh toán, đến ngày 20/8/2015 (âm lịch) bị đơn đã viết giấy hẹn thời hạn thanh toán nhưng chỉ trả được 30.000.000đ tiền gốc vay, còn lại 30.000.000đ tiền gốc vẫn chưa trả. Hai bên đương sự đã trưởng thành và đều có năng lực trách nhiệm dân sự, các bên tự nguyện thỏa thuận, nội dung giao dịch dân sự không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên giao dịch dân sự về việc vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 122 và Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[5] Bị đơn không thanh toán nợ đầy đủ là thực hiện không đúng theo thỏa thuận, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của người vay theo quy định tại Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ 30.000.000đ *(ba mươi triệu đồng)*.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu 1.500.000đ (30.000.000đ x 5%) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 122, 471 và 477 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T đối với bà T1 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà T1 phải trả cho bà T số tiền nợ vay 30.000.000đ *(bai mươi triệu đồng)*.

2. Bà T1 phải chịu 1.500.000đ *(một triệu năm trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000đ *(bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0004388 ngày 20/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (05/6/2019). Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận Thanh Khê;
- CCTHADS quận Thanh Khê;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Đức Tuấn